

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Phận.

2. Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Sơn Xà R, sinh năm 1986 (vắng mặt – có đơn).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông R kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 07/6/2011. Vợ chồng có hai người con chung là Sơn Ngọc L, sinh ngày 15/9/2010 và Sơn Tài L, sinh ngày 23/11/2018. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau và không thể hàn gắn, bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông R. Các con sống với gia

đình bên nội từ nhỏ và từ khi ly thân, con sống với ông R nên bà giao con cho ông R nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Sơn Xà R vắng mặt, tại biên bản lời khai ngày 08/7/2022 (bl 46) và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 08/7/2020 (bl 45) có ý kiến như sau: Giữa ông và bà L là vợ chồng, có hai người con chung là Sơn Ngọc L, sinh ngày 15/9/2010 và Sơn Tài T, sinh ngày 21/11/2018. Trong thời gian đi làm thuê, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ông trở về quê nên vợ chồng sống riêng với nhau đã bốn năm, con do ông chăm sóc và nuôi dưỡng từ đó đến nay. Ông đồng ý ly hôn với bà L, đồng ý nuôi hai con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tuân thủ nghiêm nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên nhận định hôn nhân của bà L và ông R là hợp pháp, các bên đã ly thân, ông R đồng ý ly hôn và nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông R, giao cho ông R được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông R tự nguyện kết hôn, đến ngày 07/6/2011 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua trình bày của các đương sự cho thấy hôn nhân của hai người không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau 04 năm và ông R đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông R theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông R có hai người con chung là Sơn Ngọc L, sinh ngày 15/9/2010 và Sơn Tài T, sinh ngày 23/11/2018, hiện các cháu sống chung với ông R tại ấp N, xã T. Ông R là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi vợ chồng ly thân và đồng ý nuôi dưỡng các con khi vợ chồng ly hôn, bà L đồng ý giao con nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao cháu L, T cho ông R được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông R không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, bà L trình bày tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với ông R nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ L phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ L được ly hôn với ông Sơn Xà R.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Ngọc L, sinh ngày 15/9/2010 và Sơn Tài T, sinh ngày 23/11/2018 cho ông Sơn Xà R trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L, T đủ 18 tuổi. Bà Lâm Thị Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Lâm Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001303 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai